

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**HÌNH THỨC THI:.....Bài tập lớn.....****HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022****Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022****Môn học:....Kỹ thuật lạnh ứng dụng.....****Nhóm: ...01.....****hi: 23 /01/2022.....****Giờ thi: 7h30****Phòng thi: ...ON ...****Giảng viên giảng dạy:Đỗ Quang Huy.....**

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
228032	1	2120180070	Cao Tuấn	Anh	11/11/2002	CCQ2018C	4.0	6.0	5.2	
228032	2	2120180035	Huỳnh Hoàng	Anh	03/11/2002	CCQ2018B	4.0	7.5	6.1	
228032	3	2120170073	Nguyễn Ngọc	Bảo	27/07/2002	CCQ2018C	6.8	8.0	7.5	
228032	4	2120180002	Hứa Thanh	Bình	19/03/2002	CCQ2018A	4.0	6.0	5.2	
228032	5	2120180003	Trần Đức	Chắt	26/10/2002	CCQ2018A	0.0	0.0	0.0	Vắng
228032	6	2120170042	Nguyễn Ngọc	Chiến	12/07/2001	CCQ2018C	7.3	6.0	6.5	
228032	7	2120180079	Huỳnh Hữu	Cường	24/07/2002	CCQ2018C	8.0	6.5	7.1	
228032	8	2120180078	Ngô Đức	Cường	23/09/1998	CCQ2018C	4.0	5.0	4.6	
228032	9	2120180005	Hồ Trọng	Danh	07/10/2002	CCQ2018A	6.0	4.5	5.1	
228032	10	2120180072	Nguyễn Tiến	Dũng	11/11/2002	CCQ2018C	6.8	6.0	6.3	
228032	11	2120180006	Bùi Ngọc	Duy	28/02/2002	CCQ2018A	8.0	7.5	7.7	
228032	12	2120180038	Đinh Nhật Trường	Duy	15/05/2002	CCQ2018B	4.8	6.0	5.5	
228032	13	2120180007	Lâm Thành	Duy	06/05/2001	CCQ2018A	0.0	0.0	0.0	Vắng
228032	14	2120180010	Cao Hải	Đăng	12/06/2002	CCQ2018A	7.8	9.0	8.5	
228032	15	2120180080	Dương Huỳnh	Đức	10/01/2002	CCQ2018C	8.8	6.5	7.4	
228032	16	2120170394	Phan Huỳnh	Đức	30/11/2002	CCQ2018C	5.3	8.0	6.9	
228032	17	2120180011	Nguyễn Trường	Giang	02/09/2002	CCQ2018A	8.0	8.5	8.3	
228032	18	2120180042	Nguyễn Trường	Hải	17/02/2002	CCQ2018B	5.3	7.5	6.6	
228032	19	2120180095	Trương Lý Tuấn	Hải	11/09/2001	CCQ2018C	6.0	5.0	5.4	
228032	20	2120180081	Nguyễn Minh	Hiếu	06/11/2001	CCQ2018C	5.3	8.0	6.9	
228032	21	2120180013	Nguyễn Văn	Hiếu	03/03/1997	CCQ2018A	6.5	4.0	5.0	
228032	22	2120180044	Trần Quang	Hiếu	04/02/2002	CCQ2018B	4.0	3.5	3.7	
228032	23	2120180046	Nguyễn Văn	Hòa	02/03/2002	CCQ2018B	8.8	7.5	8.0	
228032	24	2120180082	Lê Đình Huy	Hoàn	30/10/2001	CCQ2018C	9.3	9.0	9.1	
228032	25	2120180048	Đinh Văn	Huy	12/10/2002	CCQ2018B	9.3	8.0	8.5	
228032	26	2120180090	Nguyễn Thanh	Long	26/01/2002	CCQ2018C	4.8	6.0	5.5	
228032	27	2120180016	Nguyễn Anh	Mỹ	17/01/2000	CCQ2018A	7.3	7.5	7.4	
228032	28	2120180017	Hà Hoài	Nam	16/04/2002	CCQ2018A	5.3	4.0	4.5	
228032	29	2120180092	Lê Hồ Quang	Nghị	04/03/2002	CCQ2018C	4.0	6.0	5.2	
228032	30	2120180091	Nguyễn Thế	Nghĩa	20/05/1999	CCQ2018C	8.8	8.5	8.6	
228032	31	2120180055	Dà Kriêng Ha	Ngúy	02/02/2002	CCQ2018B	6.8	7.5	72.0	
228032	32	2120180020	Nguyễn Khắc	Nhâm	28/09/2002	CCQ2018A	6.0	4.0	4.8	
228032	33	2120180057	Đinh Thiên Thiện	Nhân	24/01/2002	CCQ2018B	6.8	4.0	5.1	
228032	34	2120180021	Nguyễn Xuân	Nhân	01/06/2002	CCQ2018A	7.3	7.5	7.4	
228032	35	2120180056	Phạm Đình	Nhân	04/07/2002	CCQ2018B	8.0	8.0	8.0	
228032	36	2120180022	Hồ Trung	Nhật	20/08/2002	CCQ2018A	3.8	4.0	3.9	
228032	37	2120180024	Võ Đình	Phong	08/06/2002	CCQ2018A	7.3	8.0	7.7	
228032	38	2120180059	Đỗ Đình	Phước	07/03/2002	CCQ2018B	4.5	8.0	6.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI:.....Bài tập lớn.....
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ... Kỹ thuật lạnh ứng dụng.....

Nhóm: ...01.....

hi: 23 /01/2022.....

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: ...ON ...

Giảng viên giảng dạy:**Đỗ Quang Huy**.....

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
228032	39	2120180060	Lê Văn	Sang	19/05/2001	CCQ2018B	4.8	3.5	4.0	
228032	40	2120180061	Nguyễn Thế	Son	11/11/1999	CCQ2018B	8.8	3.5	5.6	
228032	41	2120180025	Hồ Sỹ	Thanh	19/02/2002	CCQ2018A	0.0	0.0	0.0	Vắng
228032	42	2120180026	Nguyễn Văn	Thắng	24/12/2001	CCQ2018A	7.8	8.5	8.2	
228032	43	2120180027	Nguyễn Trường	Thịnh	09/11/2002	CCQ2018A	9.3	8.5	8.8	
228032	44	2120180064	Hồ Huy	Thọ	20/11/2002	CCQ2018B	4.8	7.5	6.4	
228032	45	2120180028	Lê Minh	Thoại	07/02/2002	CCQ2018A	4.8	6.0	5.5	
228032	46	2120180029	Hồ Trung	Tín	27/08/2000	CCQ2018A	8.0	9.5	8.9	
228032	47	2120180030	Phạm Minh	Trí	08/03/2002	CCQ2018A	9.3	8.0	8.5	
228032	48	2120180065	Nguyễn Tấn	Trọng	03/10/2002	CCQ2018B	6.0	3.5	4.5	
228032	49	2119180078	Trần Hữu	Trung	17/05/1999	CCQ1918B	4.3	8.0	6.5	
228032	50	2120180031	Lê Đan	Trường	20/01/2000	CCQ2018A	8.8	5.0	6.5	
228032	51	2120180032	Phạm Quốc	Tuấn	28/01/2002	CCQ2018A	8.0	5.5	6.5	
228032	52	2120180033	Lê Điền	Văn	04/03/2002	CCQ2018A	6.3	5.0	5.5	
228032	53	2120180067	Nguyễn Quốc	Việt	25/02/1998	CCQ2018B	8.0	8.5	8.3	
228032	54	2120060054	Đỗ Hoàng Đình	Vũ	14/12/2000	CCQ2018C	6.0	6.0	6.0	
228032	55	2120180087	Lê Thanh	Vũ	24/12/2002	CCQ2018C	7.0	6.0	6.4	
228032	56	2120180034	Phan Minh	Vương	12/11/2001	CCQ2018A	4.0	6.0	5.2	
228032	57	2120180069	Trần Trịnh Đức	Ý	02/10/2000	CCQ2018B	6.8	6.0	6.3	

Số sinh viên có mặt: 54

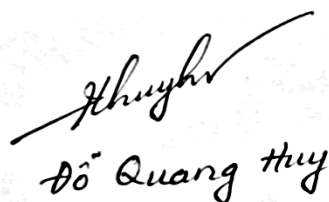
Số bài thi: 54

Số sinh viên vắng mặt: 03

Số tờ giấy thi: 54

Ghi chú: Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú.
 Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1



Đỗ Quang Huy

Cán bộ chấm thi 1



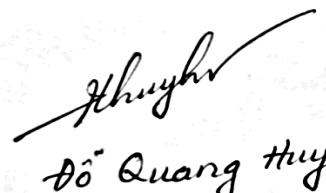
Vũ Đình Nhường

Cán bộ coi thi 2



Vũ Đình Nhường

Cán bộ chấm thi 2



Đỗ Quang Huy